

**Lớp Phật Pháp Buddhaddhamma**  
**Môn học: TƯƠNG ƯNG BỘ – SAMYUTTANIKĀYA**

**Bài học ngày 4.5.2022**

---

## **CÁI NGÔNG CỦA NGƯỜI GIÀU**

### **Kinh Phạm Thiên Baka (Bakabrahmasuttam)**

**CHƯƠNG VI. TƯƠNG ƯNG PHẠM THIÊN – PHẨM THỨ NHẤT (S. i, 142)**

*Cõi phạm thiên là cảnh giới của chúng sanh nhờ năng lực của thiên chứng mà thọ sanh. Trong số những đặc điểm của những cõi phạm thiên phải nói đến thọ mạng rất dài và sự thanh tịnh vì không hưởng ngũ dục. Điều này tự nhiên tạo ra kiến chấp nơi một số các vị phạm thiên về hai phạm trù thượng đế và linh hồn. Một số sau khi sanh trở lại thân nhân loại nhớ về kiếp phạm thiên càng chấp thủ kiến chấp trên. Hiện tượng này được ghi rõ trong Kinh Phạm Võng, Trường Bộ. Chúng sanh trong cõi vui dục giới thường mang hệ lụy của đắm nhiễm dục trần. Còn các phạm thiên trong các cõi thiên thường rơi vào ngã chấp. Cũng như trong thế giới loài người thì kẻ nghèo có những bệnh của người nghèo mà người giàu cũng có những bệnh ngông của người giàu. Đó là lý do Đức Phật dạy tu tập tuệ quán để xoá tan những mê chấp lầm lạc.*



#### **Kinh Văn**

**Evam me sutam – ekam samayaṃ bhagavā sāvattiyam viharati jetavane anāthapiṇḍikassa ārāme. Tena kho pana samayena bakassa brahmuno evarūpaṃ pāpakaṃ diṭṭhigataṃ uppannaṃ hoti – “idaṃ niccaṃ, idaṃ dhuvam, idaṃ sassataṃ, idaṃ kevalaṃ, idaṃ acavanadhammaṃ, idañhi na jāyati na jīyati na mīyati na cavati na upapajjati, ito ca panaññaṃ uttarim [uttarim (sī. syā. kaṃ. pī.)] nissaraṇaṃ natthi”ti.**

Tôi được nghe như vậy

Một thuở Đức Thế Tôn ngự ở Sāvatti, chùa Kỳ Viên – ngôi già lam do ông Anāthapindika dâng cúng.

Bấy giờ Phạm thiên Baka có chấp kiến mê lầm: Đây là bất biến, đây là hằng hữu, đây là vĩnh cửu, đây là hoàn hảo, đây là bất động. Đây chính thật là không sanh, không già, không chết, không hoại diệt, không tập khởi. Không có sự giải thoát nào cao hơn.

**Atha kho bhagavā bakassa brahmuno cetasā cetoparivitakkamaññāya – seyyathāpi nāma balavā puriso samiñjitaṃ vā bāhaṃ pasāreyya, pasāritaṃ vā bāhaṃ samiñjeyya evameva – jetavane antarāhito tasmaṃ brahmaloke pāturaḥosi. Addasā kho bako brahmā bhagavantam dūrato va āgacchantam. Disvāna bhagavantam etadavoca – “ehi kho mārīsa, svāgataṃ te, mārīsa! Ciraṣṣam kho mārīsa! Imaṃ pariyāyamakāsi yadidaṃ idhāgamanāya. Idañhi, mārīsa, niccaṃ, idaṃ dhuvam, idaṃ sassataṃ, idaṃ kevalam, idaṃ acavanadhammaṃ, idañhi na jāyati na jīyati na mīyati na cavati na upapajjati. Ito ca panaññaṃ uttari nissaraṇaṃ natthī”ti.**

Rồi Đức Thế Tôn, với tâm tư của mình biết được tâm tư của Phạm thiên Baka. Nhanh như người luyện tập thể hình co duỗi cánh tay Ngài biến mất ở Jetavana (Kỳ Viên) và hiện ra ở Phạm thiên giới.

Phạm Thiên Baka thấy Thế Tôn từ xa đi đến liền nói:

-- Hãy đến đây, Tôn giả ! Chào mừng Tôn giả! Đã lâu Tôn giả mới tạo cơ duyên đến đây. Đây là bất biến, đây là hằng hữu, đây là vĩnh cửu, đây là hoàn hảo, đây là bất động. Đây chính thật là không sanh, không già, không chết, không hoại diệt, không tập khởi. Không có sự giải thoát nào cao hơn.

**Evam vutte, bhagavā bakaṃ brahmānaṃ etadavoca – “avijjāgato vata, bho, bako brahmā; avijjāgato vata, bho, bako brahmā. Yatra hi nāma aniccaṃyeva samānaṃ niccanti vakkhati, adhuvamyaeva samānaṃ dhuvanti vakkhati, asassataṃyeva samānaṃ sassatanti vakkhati, akevalamyaeva samānaṃ kevalanti vakkhati, cavanadhammaṃyeva samānaṃ acavanadhammanti vakkhati. Yattha ca pana jāyati ca jīyati ca mīyati ca cavati ca upapajjati ca, tañca tathā vakkhati – ‘idañhi na jāyati na jīyati na mīyati na cavati na upapajjati’. Santañca panaññaṃ uttari nissaraṇaṃ, ‘natthaññaṃ uttari nissaraṇa’nti vakkhati”ti.**

Nghe nói vậy, Thế Tôn nói với Phạm thiên Baka:

Phạm thiên Baka, người quả thật bao phủ bởi vô minh. Phạm thiên Baka, người quả là không hiểu biết. Cái biến đổi cho là bất biến. Cái chuyển dịch cho là hằng hữu.

Cái có chung cuộc cho vĩnh cửu. Cái bắt toàn cho là hoàn hảo. Cái bị hư hoại cho là bất động. Bị sanh, già, chết, hoại diệt, tập khởi chi phối cho rằng: đây chính thật là không sanh, không già, không chết, không hoại diệt, không tập khởi. Trong lúc có cái khác cao hơn thì cho là không có sự giải thoát nào cao hơn.

(Baka)

**“Dvāsattati gotama puññakammā,  
Vasavattino jātijaraṃ atītā;  
Ayamantimā vedagū brahmupapatti,  
Asmābhijappanti janā anekā”ti.**

Tôn giả Gotama  
Chúng ta tạo công đức  
Bảy mươi hai phước hạnh  
Nên giờ đầy quyền lực  
Vượt khỏi sanh và già  
Toàn tri, thân tối hậu  
Bao người mong được vậy.

(Thế Tôn)

**“Appaṇhi etaṃ na hi dīghamāyu,  
Yaṃ tvaṃ baka maññasi dīghamāyuraṃ;  
Sataṃ sahaṣṣānaṃ nirabbudānaṃ,  
Āyuraṃ pajānāmi tavāhaṃ brahme”ti.**

Kiếp sống ngắn, không dài  
Baka nghĩ trường thọ  
Hỡi Phạm thiên, ta biết  
Ông sống thêm trăm ngàn  
Nirabbudāna (...)

(Baka)

**“Anantadassī bhagavāhamasmi,  
Jātijaraṃ sokamupātivatto;  
Kiṃ me purāṇaṃ vatasīlavattaṃ,  
Ācikkha me taṃ yamaṃ vijañña”ti.**

Bạch Thế Tôn, Ngài nói:  
Ngài bậc vô biên trí  
Thoát sanh, già, sầu não  
Vậy xưa con là ai?  
Có những hạnh nguyện gì?  
Xin nói để con hiểu.

(Thế Tôn)

**“Yaṃ tvaṃ apāyesi bahū manusse,  
Pipāsīte ghammani samparete;  
Taṃ te purāṇaṃ vatasīlavattaṃ,  
Suttappabuddhova anussarāmi.**

**“Yaṃ eṇikūlasmiṃ janaṃ gahītaṃ,  
Amocayī gayhakaṃ nīyamānaṃ;  
Taṃ te purāṇaṃ vatasīlavattaṃ,  
Suttappabuddhova anussarāmi.**

**“Gaṅgāya sotasmīṃ gahītanāvaṃ,  
Luddena nāgena manussakamyā;  
Pamocayittha balasā pasayha,  
Taṃ te purāṇaṃ vatasīlavattaṃ,  
Suttappabuddhova anussarāmi.**

**“Kappo ca te baddhacaro ahoṣiṃ,  
Sambuddhimantaṃ vatinaṃ amaññi;  
Taṃ te purāṇaṃ vatasīlavattaṃ,  
Suttappabuddhova anussarāmi”’ti.**

Kiếp xưa Người cho nước  
Đến người bị nóng, khát  
Hạnh nguyện Người đã làm  
Ta nhớ như thức giấc.

Bên bờ sông Sơn Dương  
Cứu người bị bắt giữ  
Hạnh nguyện Người đã làm  
Ta nhớ như thức giấc.

Xưa thuyền giữa Sông Hằng  
Bị mãng xà tấn công  
Vì muốn ăn thịt người  
Người can đảm cứu nguy  
Hạnh nguyện Người đã làm  
Ta nhớ như thức giấc.

Ta xưa tên Kappa  
Là học trò của người  
Người hun đúc trí đức  
Hạnh nguyện Người đã làm  
Ta nhớ như thức giấc.

(Baka)

**“Addhā pajānāsi mametamāyum,  
Aññepi jānāsi tathā hi buddho;  
Tathā hi tyāyaṃ jalitānubhāvo,  
Obhāsayam tiṭṭhati brahmaloka”nti.**

Ngài thật biết đời con,  
Tường tri nhiều người khác  
Vì Ngài chính là Phật  
Sáng chói Phạm thiên giới.



**Yatra hi nāma aniccaṃyeva samānaṃ niccanti vakkhati**  
= Cái biến đổi cho là bất biến.

**Adhuvamyaeva samānaṃ dhuvanti vakkhati**  
= Cái chuyển dịch cho là hằng hữu.

**Asassatamyaeva samānaṃ sassatanti vakkhati**  
= Cái có chung cuộc cho vĩnh cửu.

**Akevalamyaeva samānaṃ kevalanti vakkhati**  
= Cái bất toàn cho là hoàn hảo.

**Cavanadhammamyeva samānaṃ acavanadhammanti vakkhati**  
= Cái bị hư hoại cho là bất động.

**Yattha ca pana jāyati ca jīyati ca mīyati ca cavati ca upapajjati ca, tañca tathā vakkhati – ‘idañhi na jāyati na jīyati na mīyati na cavati na upapajjati’**

= Bị sanh, già, chết, hoại diệt, tập khởi chi phối cho rằng đây chính thật là không sanh, không già, không chết, không hoại diệt, không tập khởi.

**Santañca panaññam uttari nissaraṇam, ‘natthaññam uttari nissaraṇa’nti vakkhati’’ti**

= Trong lúc có sự giải thoát cao hơn thì cho là không có sự giải thoát nào cao hơn.



### Thích nghĩa

*Câu chuyện Đức Phật độ Phạm thiên Baka cũng được ghi lại trong Kinh Phạm Thiên Mòi Thịnh, Trung Bộ, bài kinh số 49 với nhiều chi tiết khác biệt. Theo các một số các học giả thì có thể do tên gọi Baka mang nhiều ý nghĩa khác nhau.*

*Theo Sớ giải kinh Brahmanimantanika sutta chữ baka là một từ kép của hai từ bhava và sakkāya có nghĩa là ngã kiến. Chấp kiến tự ngã là điều thường xảy ra đối với các vị phạm thiên sắc giới vì thọ mạng dài và thanh tịnh của thiên định. Baka cũng có nghĩa là con sếu. Trong văn học Veda, con sếu tượng trưng cho sự xảo quyệt ở đây chỉ cho tâm thái lộng giả thành chân. Baka cũng có thể là tên riêng của một chúng sanh. Như vậy rất có thể là không phải chỉ có một phạm thiên được biết tới với tên Baka. (...)*

*Theo Sớ giải khi Đức Phật dạy “có thứ giải thoát cao hơn” chỉ cho những thiên chứng cao hơn sở đắc của Phạm thiên Baka và đạo, quả, niết bàn.*

*Theo Sớ giải thì vị Phạm thiên này từ thân nhân loại chứng thiên sanh về cõi trời Quảng quả (Vehapphala) với tuổi thọ 500 đại kiếp, rồi sanh xuống cõi tam thiên Biến tịnh thiên (Subhakinha) với tuổi thọ 64 đại kiếp. Sau đó sanh xuống cõi nhị thiên Quang âm thiên (Ābhassara) với tuổi thọ 8 đại kiếp. Lại sanh xuống cõi sơ thiên với tuổi thọ một đại kiếp (chính là kiếp gặp Phật). Cũng theo Sớ giải vị này ban đầu sanh lên cõi phạm thiên còn nhớ túc nghiệp nhưng sống qua nhiều kiếp quá lâu ở phạm thiên giới nên không còn nhớ gì về thân nhân loại và khởi sanh thường kiến.*

*Theo Sớ giải những con số được tính như sau: một **nirabbuda** bằng 20 **abbudas**; một **abbudas** bằng mười triệu **ninnahutas**; một **ninnahutas** bằng mười triệu*

*nahutas; một nahutas bằng mười triệu koṭipakoṭi; một koṭipakoṭi mười triệu pakoti; một pakoti bằng mười triệu koṭi; một koṭi bằng mười triệu năm.*

*Theo Sớ giải con số một trăm ngàn nirabbuda chỉ là tuổi thọ còn lại của vị phạm thiên này không phải là thọ mạng trọn kiếp.*

*Câu “dvāsattati Gotama puññakammā – thừa Tôn giả Gotama chúng ta đã tạo 72 phước hạnh” không có chú thích trong Sớ giải là gồm có những gì. Tuy nhiên trong văn học Ấn con số 72 thường là thành ngữ chỉ cho “đủ mọi thứ cho mọi tình huống. Nói cách khác hoàn cảnh nào cũng tạo phước được.*

*Theo Sớ giải chữ abhijappanti ngoài nghĩa lễ bái còn mang ý nghĩa là mong mỗi chúng đạt được (patthenti pihenti) hàm ý là nhiều người lễ bái và mong cầu được như vậy.*

*Câu Vatasīlavattan ti vuccati sīlam eva được giải thích bao gồm nguyện (vatabhūtam) và giới hạnh (sīlavattam) nên dịch chung là hạnh nguyện.*

*Câu Suttappabbuddhova anussarāmi – ta nhớ rõ như người chợt tỉnh giấc – một thành ngữ mang ví dụ như người đang chiêm bao chợt tỉnh còn nhớ rất rõ những gì trong giấc mộng.*

*Tỳ khuru Giác Đăng dịch và biên soạn giáo trình*

## **4. Bakabrahmasuttaṃ [Mūla]**

175. Evaṃ me suttaṃ – ekaṃ samayaṃ bhagavā sāvattthiyaṃ viharati jetavane anāthapiṇḍikassa ārāme. Tena kho pana samayena bakassa brahmuno evarūpaṃ pāpakaṃ ditṭhigataṃ uppannaṃ hoti – “idaṃ niccaṃ, idaṃ dhuvaṃ, idaṃ sassataṃ, idaṃ kevalaṃ, idaṃ acavanadhammaṃ, idaṃhi na jāyati na jīyati na mīyati na cavati na upapajjati, ito ca panaññaṃ uttariṃ [uttariṃ (sī. syā. kaṃ. pī.)] nissaraṇaṃ natthī”ti.

Atha kho bhagavā bakassa brahmuno cetasā cetoparivittakkamaññāya – seyyathāpi nāma balavā puriso samiñjitaṃ vā bāhaṃ pasāreyya, pasāritaṃ vā bāhaṃ samiñjeyya evameva – jetavane antarahito tasmim̐ brahmaloke pāturaḥosi. Addasā kho bako brahmā bhagavantāṃ dūratova āgacchantaṃ. Disvāna bhagavantāṃ etadavoca – “ehi kho mārīsa, svāgataṃ te, mārīsa! Cīrassaṃ kho mārīsa! Imaṃ pariyāyamakāsi yadidaṃ idhāgamanāya. Idaṃhi, mārīsa, niccaṃ, idaṃ dhuvaṃ,

idaṃ sassataṃ, idaṃ kevalaṃ, idaṃ acavanadhammaṃ, idaṃhi na jāyati na jīyati na mīyati na cavati na upapajjati. Ito ca panaññaṃ uttari nissaraṇaṃ natthī”ti.

Evaṃ vutte, bhagavā bakaṃ brahmānaṃ etadavoca – “avijjāgato vata, bho, bako brahmā; avijjāgato vata, bho, bako brahmā. Yatra hi nāma aniccaṃyeva samānaṃ niccanti vakkhati, adhuvaṃyeva samānaṃ dhuvanti vakkhati, asassataṃyeva samānaṃ sassatanti vakkhati, akevalaṃyeva samānaṃ kevalanti vakkhati, cavanadhammaṃyeva samānaṃ acavanadhammanti vakkhati. Yattha ca pana jāyati ca jīyati ca mīyati ca cavati ca upapajjati ca, taṃca tathā vakkhati – ‘idaṃhi na jāyati na jīyati na mīyati na cavati na upapajjati’. Santaṃca panaññaṃ uttari nissaraṇaṃ, ‘natthaññaṃ uttari nissaraṇa’nti vakkhati”ti.

“Dvāsattati gotama puññakammā,  
Vasavattino jātijaraṃ atītā;  
Ayamantimā vedagū brahmupapatti,  
Asmābhijappanti janā anekā”ti.

“Appaṃhi etaṃ na hi dīghamāyu,  
Yaṃ tvaṃ baka maññasi dīghamāyuraṃ;  
Sataṃ sahaṣṣānaṃ [sahaṣṣāna (syā. kaṃ.)] nirabbudānaṃ,  
Āyuraṃ pajānāmi tavāhaṃ brahme”ti.

“Anantadassī bhagavāhamasmi,  
Jātijaraṃ sokamupātivatto;  
Kiṃ me purāṇaṃ vatasīlavattaṃ,  
Ācikkha me taṃ yamaṃ vijañña”ti.

“Yaṃ tvaṃ apāyesi bahū manusse,  
Pipāsīte ghammani samparete;  
Taṃ te purāṇaṃ vatasīlavattaṃ,  
Suttappabuddhova anussarāmi.

“Yaṃ eṇikūlasmiṃ janaṃ gahītaṃ,  
Amocayī gayhakaṃ nīyamānaṃ;  
Taṃ te purāṇaṃ vatasīlavattaṃ,  
Suttappabuddhova anussarāmi.

“Gaṅgāya sotasmīṃ gahītanāvaṃ,  
Luddena nāgena manussakamyā;  
Pamocayittha balasā pasayha,



Taṃ te purāṇaṃ vatasīlavattaṃ,  
Suttappabuddhova anussarāmi.

“Kappo ca te baddhacaro ahosiṃ,  
Sambuddhimantaṃ [sambuddhivantaṃ (bahūsu)] vatiṇaṃ amaññi;  
Taṃ te purāṇaṃ vatasīlavattaṃ,  
Suttappabuddhova anussarāmi”ti.

“Addhā pajānāsi mametamāyumaṃ,  
Aññepi [aññampi (sī. pī.)] jānāsi tathā hi buddho;  
Tathā hi tyāyaṃ jalitānubhāvo,  
Obhāsayaṃ tiṭṭhati brahmaloka”nti.

## 4. Bakabrahmasuttavaṇṇanā [Aṭṭhakathā]

175. Catutthe **pāpakaṃ diṭṭhigatanti** lāmikā sassatadiṭṭhi. **Idaṃ niccanti** idaṃ saha kāyena brahmaṭṭhānaṃ aniccaṃ “nicca”nti vadati. Dhuvādīni tasseva vevacanāni. Tattha **dhuvanti** thiraṃ. **Sassatanti** sadā vijjamaṇaṃ. **Kevalanti** akhaṇḍaṃ sakalaṃ. **Acavanadhammanti** acavanasabhāvaṃ. **Idaṃ hi na jāyatīti**ādīsu imasmim̐ ṭhāne koci jāyanaṃ vā jīyanaṃ vā mīyanaṃ vā cavanaṃ vā upapajjanaṃ vā natthi, taṃ sandhāya vadati. **Ito ca panaññanti** ito saha kāyā brahmaṭṭhānā uttari aññaṃ nissaraṇaṃ nāma natthīti. Evamassa thāmagatā sassatadiṭṭhi uppannā hoti. Evaṃvādī ca pana so upari tisso jhānabhūmiyo cattāro magge cattāri phalāni nibbānanti sabbamaṃ paṭibhāti. Kadā panassa sā diṭṭhi uppannāti? Paṭhamajjhānabhūmiyaṃ nibbattakāle. Dutiyajjhānabhūmiyanti eke.

Tatrāyaṃ anupubbikathā – heṭṭhupapattiko kiresa brahmā anuppanne buddhuppāde isipabbajjaṃ pabbajitvā kasiṇaparikkammaṃ katvā samāpattiyo nibbattetvā aparihīnājjhāno kālaṃ katvā catutthajjhānabhūmiyaṃ vehapphalabrahmaloke pañcakappasatikamaṃ āyumaṃ gahetvā nibbatti. Tattha yāvatāyukaṃ ṭhatvā heṭṭhupapattikaṃ katvā tatiyajjhānaṃ paṇītaṃ bhāvetvā subhakiṇhabrahmaloke catusaṭṭhikappaṃ āyumaṃ gahetvā nibbatti. Tattha dutiyajjhānaṃ bhāvetvā ābhassare aṭṭha kappe āyumaṃ gahetvā nibbatti. Tattha paṭhamajjhānaṃ bhāvetvā, paṭhamajjhānabhūmiyaṃ kappāyuko hutvā nibbatti. So paṭhamakāle attanā katakammañca nibbattaṭṭhānañca aññāsi, kāle pana gacchante gacchante ubhayaṃ pamussitvā sassatadiṭṭhiṃ uppādesi.

**Avijjāgatoti** avijjāya gato samannāgato aññāṇī andhībhūto. **Yatra hi nāmāti** yo nāma. **Vakkhatīti** bhaṇati. “Yatrā”ti nipātayogena pana anāgatavacanaṃ kataṃ.

Evam vutte so brahmā yathā nāma maggacoro dve tayo pahāre adhvāsento sahāye anācikkhitvāpi uttarim pahāraṃ pahariyamāno “asuko ca asuko ca mayhaṃ sahāyo”ti ācikkhati, evameva bhagavatā santajjiyamāno satim labhitvā, “bhagavā mayhaṃ padānupadaṃ pekkhanto maṃ nippīlitukāmo”ti bhīto attano sahāye ācikkhanto **dvāsattatī**tiādīmāha. Tassattho – bho gotama, mayhaṃ dvāsattati janā **puññakammā** tena puññakammena idha nibbattā. **Vasavattino** sayhaṃ aññesaṃ vase avattitvā pare attano vase vatteva, jātiñca jarañca atītā, ayaṃ no vedehi gatattā “vedagū”ti saṅkhaṃ gatā bhagavā antimā brahmupapatti. **Asmābhijappanti janā anekā**ti anekajanā amhe abhijappanti. “Ayaṃ kho bhavaṃ brahmā, mahābrahmā, abhibhū, anabhibhūto, aññadathudaso, vasavattī, issaro, kattā, nimmātā, settho, sajitā, vasī, pitā bhūtabhabyāna”nti evaṃ patthenti pihentīti.

Atha naṃ bhagavā **appaṃ hi etanti**tiādīmāha. Tattha **etanti** yaṃ tvam idha tava āyuaṃ “dīgha”nti maññasi, etaṃ appaṃ parittakaṃ. **Sataṃ sahasānaṃ nirabbudānanti** nirabbudagaṇanāya satahasānirabbudānaṃ. **Āyuaṃ pajānāmīti**, “idāni tava avasitthaṃ ettakaṃ āyū”ti ahaṃ jānāmi. **Anantadassī bhagavā hamasmīti**, bhagavā, tumhe “ahaṃ anantadassī jātiādīni upātivatto”ti vadatha. **Kim me purāṇanti**, yadi tvam anantadassī, evaṃ sante idaṃ me ācikkha, kim mayhaṃ purāṇaṃ? **Vatasīlavattanti** sīlameva vuccati. **Yamahaṃ vijaññāti** yaṃ ahaṃ tayā kathitaṃ jāneyyaṃ, taṃ me ācikkhāti vadati.

Idānissa ācikkhanto bhagavā **yaṃ tvam apāyesīti**tiādīmāha. Tatrāyaṃ adhippāyo – pubbe kiresa kulaghare nibbattitvā kāmesu ādīnavaṃ disvā – “jātijarāmarāssa antaṃ karissāmī”ti nikkhamma isipabbajjaṃ pabbajitvā samāpattiyō nibbattitvā abhiññāpādakajjhānassa lābhī hutvā gaṅgātīre paṇṇasālaṃ kāretvā jhānaratiyā vītināmeti. Tadā ca kālenakālaṃ satthavāhā pañcahi sakaṭasatehi marukantāraṃ paṭipajjanti. Marukantāre pana divā na sakkā gantaṃ, rattim gamaṃ hoti. Atha purimasakaṭassa aggayuge yuttabalibaddā gacchantā gacchantā nivattitvā āgatamaggābhimukhā ahesuṃ, sabbasakaṭāni tatheva nivattitvā aruṇe uggate nivattitabhāvaṃ jānimsu. Tesañca tadā kantāraṃ atikkamanadivaso ahoṣi. Sabbhaṃ dārudakaṃ parikkhīṇaṃ – tasmā “natthi dāni amhākaṃ jīvita”nti cintitvā, goṇe cakkesu bandhitvā, manussā sakaṭacchāyaṃ pavisitvā nipajjimsu.

Tāpasopi kālasseva paṇṇasālato nikkhamitvā paṇṇasāladvāre nisinna gaṅgaṃ olokayamāno addasa gaṅgaṃ mahatā udakoghena pūriyamānaṃ pavattitamaṅkhandhaṃ viya āgacchantaṃ, disvā cintesi – “atthi nu kho imasmim loke evarūpassa madhurodakassa alābhena kilissamānā sattā”ti? So evaṃ āvajjento marukantāre taṃ satthaṃ disvā ‘ime sattā mā nassantū’ti “ito cito ca mahāudakakkhandho chijjitvā marukantāre satthābhimukho gacchatū”ti abhiññācittena adhitthāsi. Saha cittuppādena mātīkārūhaṃ viya udakaṃ tattha

agamāsi. Manussā udakasaddena vuṭṭhāya udakaṃ disvā haṭṭhatuṭṭhā nhāyitvā pivitvā goṇepi pāyevā sotthinā icchitaṭṭhānaṃ agamaṃsu. Satthā taṃ brahmuno pubbakammaṃ dassento paṭhamaṃ gāthamāha. Tattha **apāyesīti** pāyesi. A-kāro nipātamattaṃ. **Gammanīti** gimhe. **Sampareteti** gimhātapena phuṭṭhe anugate.

Aparasmimpi samaye tāpaso gaṅgātīre paṇṇasālaṃ māpetvā araṇṇagāmakam nissāya vasati. Tena ca samayena corā taṃ gāmaṃ paharivā hatthasāraṃ gahetvā gāviyo ca karamare ca gahetvā gacchanti. Gāvopi sunakhāpi manussāpi mahāviraṃ viravanti. Tāpaso taṃ saddaṃ sutvā “kinnu kho eta”nti? Āvajjento “manussānaṃ bhayaṃ uppanna”nti ṇatvā “mayi passante ime sattā mā nassantū”ti abhiññāpādaḥkajjhānaṃ samāpajjitvā vuṭṭhāya abhiññācittena corānaṃ paṭipathe caturaṅginim senaṃ māpesi. Kammasajjā āgacchantā corā disvā, “rājā maññe āgato”ti vilopaṃ chaḍḍetvā pakkamimsu. Tāpaso “yaṃ yassa santakaṃ, taṃ tasseva hotū”ti adhiṭṭhāsi, taṃ tatheva ahoṣi. Mahājano sotthibhāvaṃ pāpuṇi. Satthā idampi tassa pubbakammaṃ dassento dutiyaṃ gāthamāha. Tattha **enikūlasminti** gaṅgātīre. **Gayhakaṃ nīyamānanti** gahetvā nīyamānaṃ, karamaraṃ nīyamānantipi attho.

Puna ekasmiṃ samaye upariṅgāvāsikaṃ ekaṃ kulaṃ heṭṭhāgaṅgāvāsikena kulena saddhiṃ mittasanthavaṃ katvā, nāvāsaṅghātaṃ bandhitvā, bahuṃ khādanīyaṃceva bhojanīyaṃca gandhamālādīni ca āropetvā gaṅgāsotena āgacchati. Manussā khādamānā bhujjāmānā naccantā gāyantā devavimānena gacchantā viya balavasomanassā ahesuṃ. Gaṅgeyyako nāgo disvā kupito “ime mayi saññampi na karonti. Idāni ne samuddameva pāpessāmī”ti mahantaṃ attabhāvaṃ māpetvā udakaṃ dvidhā bhinditvā uṭṭhāya phaṇaṃ katvā, susukāraṃ karonto aṭṭhāsi. Mahājano disvā bhīto vissaramakāsi. Tāpaso paṇṇasālāyaṃ nisinna sutvā, “ime gāyantā naccantā somanassajātā āgacchanti. Idāni pana bhayaravaṃ raviṃsu, kinnu kho”ti? Āvajjento nāgarājaṃ disvā, “mayi passante sattā mā nassantū”ti abhiññāpādaḥkajjhānaṃ samāpajjitvā attabhāvaṃ pajahitvā supaṇṇavaṇṇaṃ māpetvā nāgarājassa dassesi. Nāgarājā bhīto phaṇaṃ saṃharitvā udakaṃ pavitṭho, mahājano sotthibhāvaṃ pāpuṇi. Satthā idampi tassa pubbakammaṃ dassento tatiyaṃ gāthamāha. Tattha **luddenāti** dāruṇena. **Manussakamyāti** manussakāmatāya, manusse viheṭṭhetukāmatāyāti attho.

Aparasmimpi samaye esa isipabbajjaṃ pabbajitvā kesavo nāma tāpaso ahoṣi. Tena samayena amhākaṃ bodhisatto kappo nāma māṇavo kesavassa baddhacaro antevāsiko hutvā ācariyassa kiṃkārapaṭissāvī manāpacārī buddhisampanno atthacaro ahoṣi. Kesavo tena vinā vasituṃ na sakkoti, taṃ nissāyeva jīvikaṃ kappesi. Satthā idampi tassa pubbakammaṃ dassento catutthaṃ gāthamāha.

Tattha **baddhacaroti** antevāsiko, so pana jeṭṭhantevāsiko ahoṣi. **Sambuddhimantaṃ vatiṇaṃ amaññīti**, “sammā buddhimā vatasampanno aya”nti evaṃ maññamāno kappo tava antevāsiko ahoṣiṃ ahaṃ so tena samayenāti dasseti. **Aññepi jānāsīti** na kevalaṃ mayhaṃ āyumeva, aññepi tvaṃ jānāsīyeva. **Tathā hi buddhoti** tathā hi tvaṃ buddho, yasmā buddho, tasmā jānāsīti attho. **Tathā hi tyāyaṃ jalitānubhāvoti** yasmā ca tvaṃ buddho, tasmā te ayaṃ jalito ānubhāvo. **Obhāsayāṃ tiṭṭhatīti** sabbaṃ brahmalokaṃ obhāsayanto tiṭṭhati. Catutthaṃ.